

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP ĐỨC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/6/2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Một.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thông.
2. Bà Lê Thị Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Quý – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐHPT ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị V, sinh năm: 1990. Có mặt.

- Bị đơn: Anh N, sinh năm: 1990. Vắng mặt.

Cùng trú tại: thôn H, xã P, huyện HD, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị V trình bày:*

Tôi và anh N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 6 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện HD, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2021 thì xảy ra mâu

thuần, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh N thường xuyên bạo hành tôi cả về thể xác lẫn tinh thần, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và chúng tôi sống ly thân nhau từ giữa năm 2021 đến nay, không còn quan tâm, thương yêu nhau. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Tôi và anh N có 03 con chung là P, sinh ngày 13/5/2011; T, sinh ngày 07/10/2014 và A, sinh ngày 23/01/2020. Khi ly hôn tôi xin được nuôi cả ba con chung, tôi không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tôi và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi và anh N không có nợ chung.

** Bị đơn anh N mặc dù đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như: thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N vẫn không có mặt nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của anh N.*

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật. Bị đơn không chấp các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của V, xử cho chị V và anh N ly hôn.

+ Về con chung: Xử giao cho chị V nuôi 03 con chung là P, sinh ngày 13/5/2011; T, sinh ngày 07/10/2014 và A, sinh ngày 23/01/2020 đến 18 tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ chung: Chị V khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đây là quan hệ ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh N đang cư trú tại thôn H, xã P, huyện HD, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án*: Chị V và anh N tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện HD, tỉnh Quảng Nam như vậy hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn, chị V cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh N không lo làm ăn mà còn vô cớ chửi bới, xúc phạm chị nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nay, không còn quan tâm, thương yêu nhau. Chị V thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên xin được ly hôn với anh N. Về phía anh N cố tình vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai cũng như nguyện vọng của anh về việc xin ly hôn của chị V.

Xét việc xin ly hôn của chị V thì thấy: Khi mâu thuẫn xảy ra thì anh N không có thiện chí khắc phục mà vẫn thường xuyên bỏ nhà đi. Theo xác minh tại chính quyền địa phương xã P và gia đình thì được biết mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh N đã kéo dài trầm trọng, bản thân anh N thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm đến cuộc sống của chị V và các con chung, không có trách nhiệm chăm lo, xây dựng gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị V và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị V xin ly hôn là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên xét chấp nhận.

Về phía bị đơn anh N cố tình vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh N là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về con chung: Chị V và anh N có 03 con chung tên là: Hồ Thị Quý Phi, sinh ngày 13/5/2011; Hồ Kim Hữu Tuệ, sinh ngày 07/10/2014 và Hồ Trần Kiều An, sinh ngày 23/01/2020 hiện nay các con đang chung sống ổn định cùng chị V. Nguyện vọng của chị V là được nuôi các con chung. Tại bản tự khai các con chung cũng có nguyện vọng được sống cùng chị V sau khi bố mẹ ly hôn. Xét nguyện vọng nuôi con của chị V thì thấy: Cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi con chung, không phân biệt trai gái hay bất cứ điều kiện gì khác, việc nuôi con phải phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng nuôi dưỡng của cha, mẹ. Hiện nay chị V đang có nơi ở ổn định, có việc làm và thu nhập hằng tháng ổn định đảm bảo khả năng để nuôi các con chung. Do đó, xét giao cho chị V nuôi dưỡng các con chung đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị V khai không có nên không xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) xét buộc chị V phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011273 ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị V, xử cho chị V và anh N ly hôn.

2. Về con chung: Xử giao cho chị V nuôi 03 con chung tên là P, sinh ngày 13/5/2011; T, sinh ngày 07/10/2014 và A, sinh ngày 23/01/2020 đến 18 tuổi. Chị V hông yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị V khai không có nên không xem xét.

5. Án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) xử buộc chị V phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011273 ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận trích sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Nam;
- VKSND H. Hiệp Đức;
- UBND xã Phước Gia;
- Chi cục THADS H. Hiệp Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Một